

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 10/7/2019
“V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Lệ Thi;

2. Bà Võ Thị Thanh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phát Huy, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 10/7/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 102/2019/TLST-HN ngày 11 tháng 3 năm 2019 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2019/QĐXXST - HN ngày 20 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2019/QĐ ngày 26/6/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim Ng, sinh năm 1993.

Địa chỉ: 0837A, tổ Y, ấp N, xã V, huyện P, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Anh Lê Bé N, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Tổ 18, ấp P, xã V, thành phố D, tỉnh An Giang.

Người làm chứng: Bà Đoàn Thị Ng1, sinh năm: 1965.

Địa chỉ: Tổ 18, ấp P, xã V, thành phố D, tỉnh An Giang.

Chị Ng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt;

Bà Đoàn Thị Ng1 có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Anh Bé N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 09/5/2019 và các lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim Ng trình bày:

Chị (Ng) và anh Lê Bé N quen biết nhau và đi đến chung sống với nhau, không có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Châu, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang ngày 14/10/2015.

Thời gian đầu chung sống vợ chồng hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do chồng ăn nhậu, gây nợ, chị đứng ra trả nợ, chị cũng nhiều lần khuyên nhưng anh N không bỏ. Nay tình cảm đã hết, chị có yêu cầu ly hôn anh N.

Về con chung:

Vợ chồng sanh được 01 con chung tên: Lê Công Nh, sinh ngày 24/8/2016, hiện do anh N đang nuôi dạy.

Về tài sản chung – nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyện vọng chị (Kim Ng) có yêu cầu ly hôn anh Bé N. Về con chung chị đồng ý giao con chung tên Lê Công Nh, sinh ngày 24/8/2016 cho anh Bé N nuôi dạy, chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tòa án đã triệu tập anh Lê Bé N nhưng anh N không cung cấp ý kiến và không đến Tòa án tham gia tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên không tiến hành hòa giải được.

Qua xác minh:

Ông Nguyễn Thanh L – Trưởng Ban ấp P, xã V, thành phố D cung cấp: Anh Lê Bé N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 18, ấp M, xã V, thành phố D, tỉnh An Giang, anh N cất nhà sát nhà mẹ ruột tên Đoàn Thị Ng1 cùng địa chỉ với anh N, hiện anh đi làm thuê, thỉnh thoảng có về địa phương, không có bỏ địa phương.

Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc tổng đạt các văn bản tố tụng qua người thân là bà Nguyễn Thị Ng1 có ký nhận qua trung gian các văn bản tố tụng của Tòa án: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo V/v thu thập tài liệu, chứng cứ; Bà Ng1 ký nhận Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, bà Đoàn Thị Ng1 có điện thoại thông báo cho anh N biết việc Ng (con dâu) kiện ly hôn nhưng theo bà Ng1 do anh N bận làm thuê nên không thể đến Tòa án, ý kiến của N là đồng ý ly hôn theo yêu cầu của Ng, nhưng có yêu cầu nuôi con chung và không yêu cầu Ng cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa, hội đồng xét xử công bố lời khai của chị Nguyễn Thị Kim Ng; Đoàn Thị Ng1.

Hội đồng xét xử công bố kết quả xác minh do Ban ấp P, xã V, thành phố D cung cấp;

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật và có yêu cầu xét xử vắng mặt. Riêng bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, thuộc trường hợp Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn khoản 2 Điều Bộ luật Tố tụng dân sự và xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Chị Nguyễn Thị Kim Ng và anh Lê Bé N tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân từ năm 2014, không có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Châu, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang ngày 14/10/2015.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, về sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và nay không còn sống chung nhau.

Xét thấy vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu chăm sóc nhau trong thời gian sống chung thì chị Ng và anh Bé N phát sinh mâu thuẫn, hiện nay đã không còn sống chung với nhau, nhận thấy mục đích của hôn nhân không đạt. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với anh Bé N là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung:

Chị Ng khai, trong thời kỳ hôn nhân chị và anh N có 01 (một) con chung tên Lê Công Nh, sinh ngày 24/8/2016. Chị Ng đồng ý giao con chung cho anh N nuôi dạy và chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung - nợ chung:

Chị Ng khai không có tài sản chung, phù hợp với lời khai của bà Ng1 (mẹ anh Bé N), chị Ng không yêu cầu giải quyết nên không đề cập xem xét.

Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Ng.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Kim Ng khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lê Bé N. Đồng thời, anh Bé N cư trú trên địa bàn thành phố Châu Đốc. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành

phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về vắng mặt của đương sự:

Chị Ng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Anh Bé N được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân:

Từ năm 2015 chị Ng và anh Bé N quen biết nhau và đi đến sống chung, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Châu, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang, công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Chứng cứ chị Ng đưa ra để yêu cầu ly hôn anh Bé N là cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, anh chị không còn sống chung. Tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn, nên chị Ng xin ly hôn anh Bé N.

Qua xác minh và được bà Đoàn Thị Ng1 (mẹ của anh N cung cấp), Ng và N đã không còn sống chung với nhau và sanh 01 con chung tên Lê Công Nh, sinh ngày 24/8/2016 hiện do N đang nuôi dạy, bà Ng1 cho biết N có biết việc Ng kiện ly hôn Bé N và bà có thông báo cho N biết và N đồng ý thuận tình ly hôn, nhưng có yêu cầu nuôi con chung và không yêu cầu Ng cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung – nợ chung, không có.

Khoản 2 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ, chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”; Xét thấy anh Bé N và chị Ng không còn sống chung với nhau là vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị Ng khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Bé N là có căn cứ.

[Về con chung]:

Chị Ng khai chị và anh N sống chung sanh 01 con chung tên: Lê Công Nh, sinh ngày 24/8/2016 hiện do anh N đang nuôi dạy, chị không tranh chấp và đồng ý giao con chung cho anh N nuôi dạy và theo lời khai của bà Ng1, anh N có ý kiến là không yêu cầu chị Ng cấp dưỡng nuôi con chung, nên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét, cháu Lê Công Nh, sinh ngày 24/8/2016 hiện do anh N đang nuôi dạy, cuộc sống cháu ổn định, chị Ng không tranh chấp nên tiếp tục giao cho anh N nuôi con chung và chị Ng không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lê Bé N cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở chị Nguyễn Thị Bé N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[Về tài sản chung – nợ chung]:

Chị Ng khai không có, phù hợp lời khai của bà Ng1 (mẹ anh N), nên không đề cập đến giải quyết (Nếu anh N có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác).

[Về án phí]:

Chị Nguyễn Thị Kim Ng phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị Ng đã nộp.

Anh Lê Bé N không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình và các Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. *[Về quan hệ hôn nhân]:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim Ng;

Chị Nguyễn Thị Kim Ng được ly hôn anh Lê Bé N.

2. *[Về con chung]:*

Anh Lê Bé N tiếp tục nuôi dạy cháu: Lê Công Nh, sinh ngày 24/8/2016, chị Ng không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lê Bé N cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở chị Nguyễn Thị Kim Ng trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. *[Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm]:*

Chị Nguyễn Thị Kim Ng phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0007989 ngày 09 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc; Chị Ng đã nộp đủ án phí.

4. [Về quyền kháng cáo]:

Chị Nguyễn Thị Kim Ng và anh Lê Bé N vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Châu Đốc (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP. Châu Đốc (1);
- UBND P Vĩnh Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kiều Nga